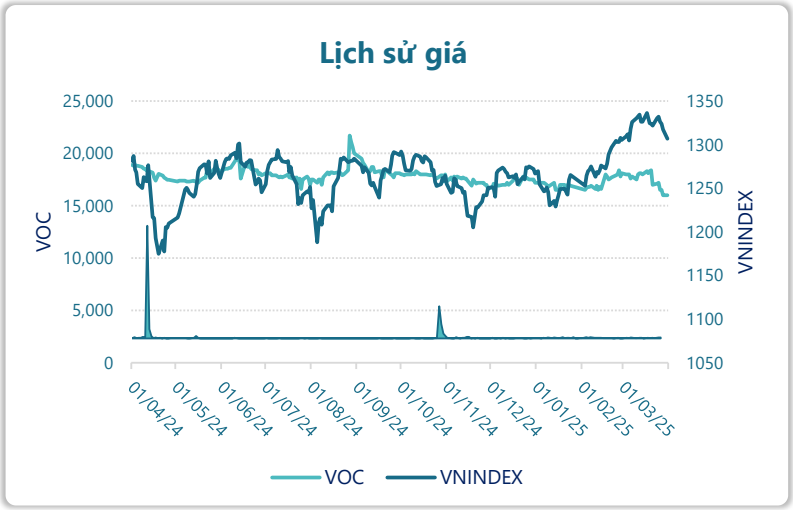
FireAnt

Tổng Công ty Công nghiệp dầu thực vật Việt Nam - CTCP (UPCOM: VOC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
SL cổ phiếu LH	121,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	276,964
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,949
P/E	36.1
EPS	443

DT thuần

Q1/25

135

tỷ VNĐ

QoQ: ▼99.0| -42.3%

YoY: ▲ 96.3| 249%

LN sau thuế

Q1/25

6.99

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.5| -73.6%

YoY: ▲ 0.10| 1.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.5%

+/- YoY: ▼ 165%

DT thuần

2024

419

tỷ VNĐ

YoY: ▼425| -50.4%

LN sau thuế

2024

51.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,253| -96.0%

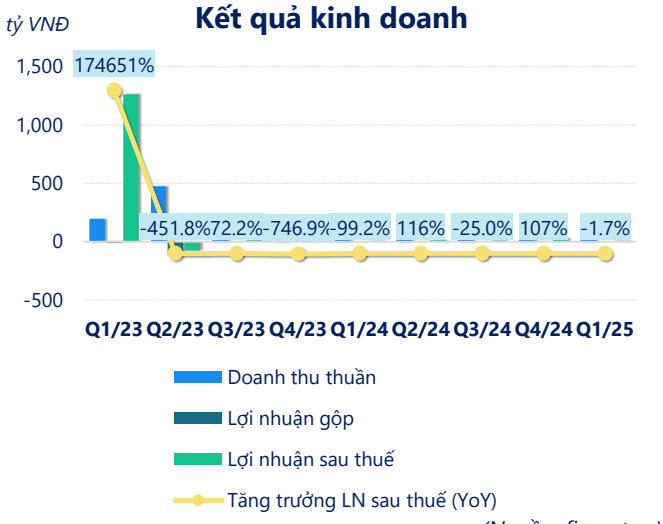
ROE

2024

2.3%

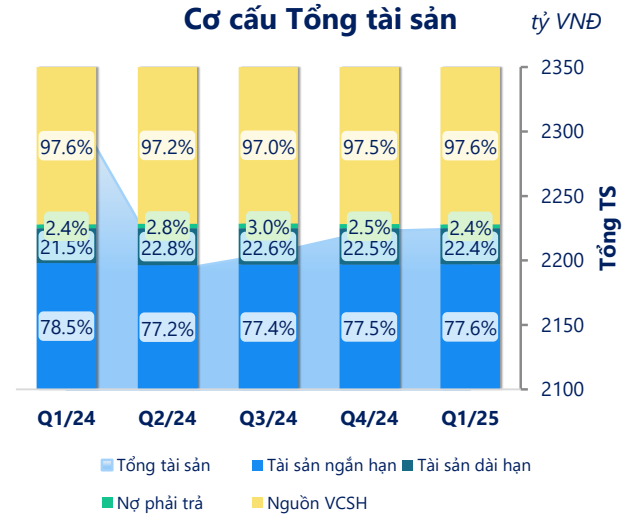
+/- YoY: ▼ 70.2%

Kết quả kinh doanh



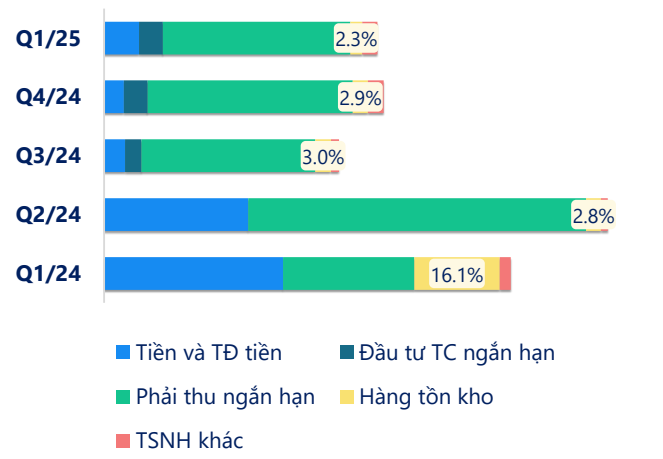
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



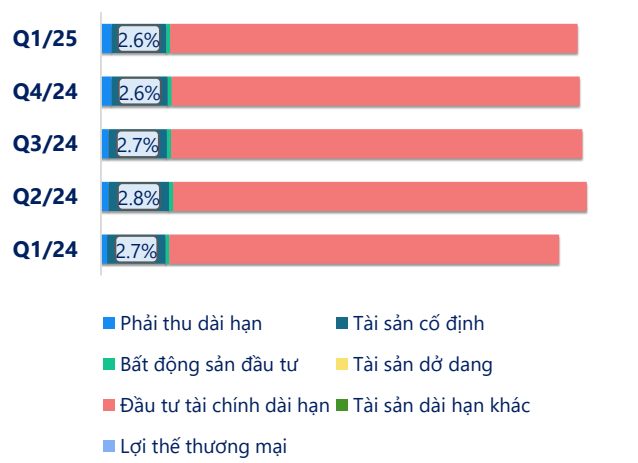
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



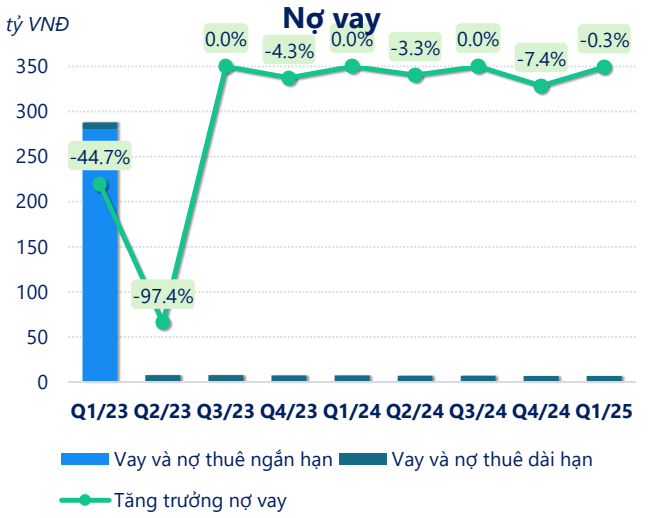
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



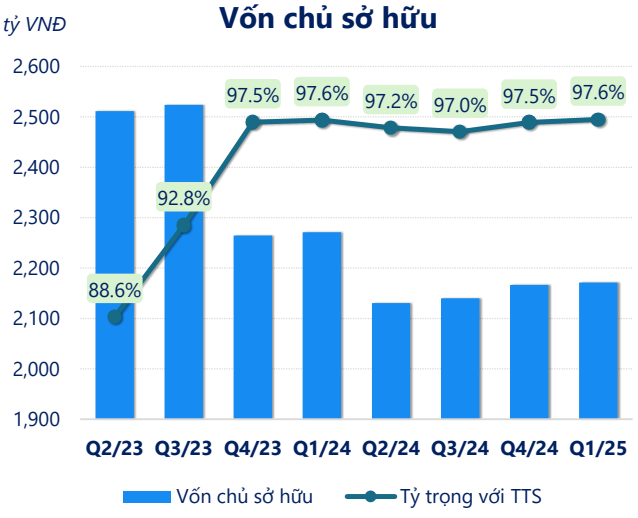
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



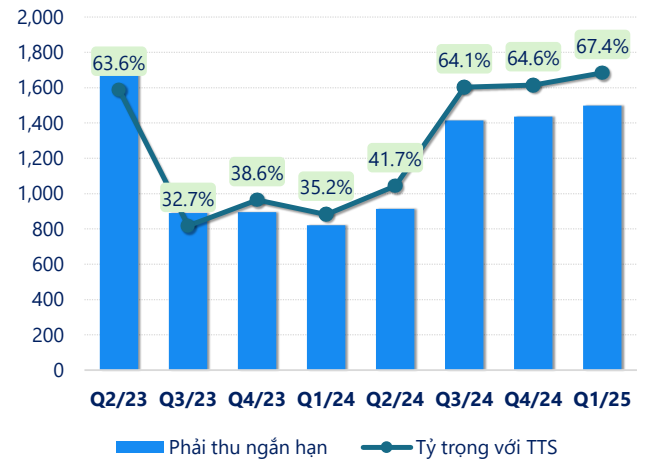
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



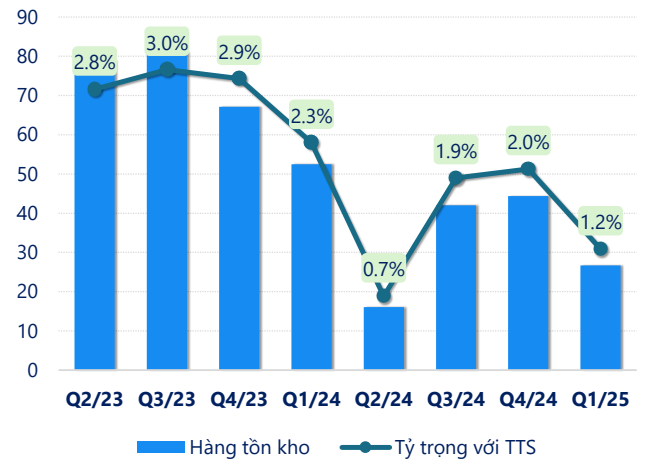
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



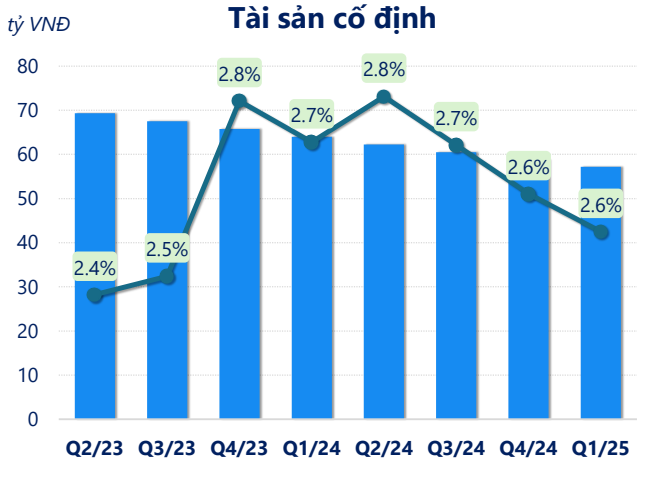
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



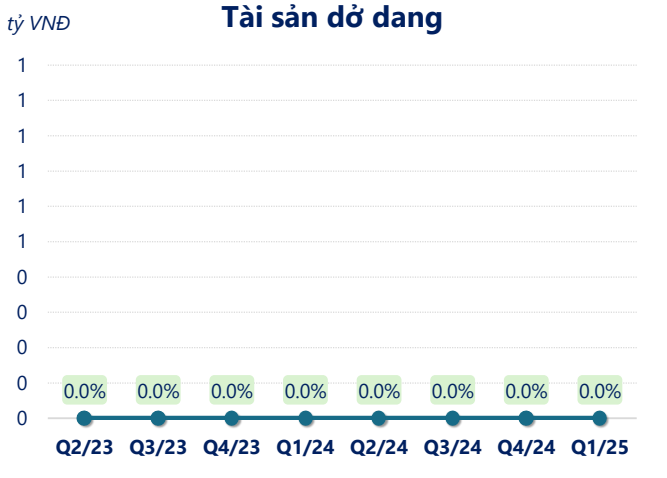
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



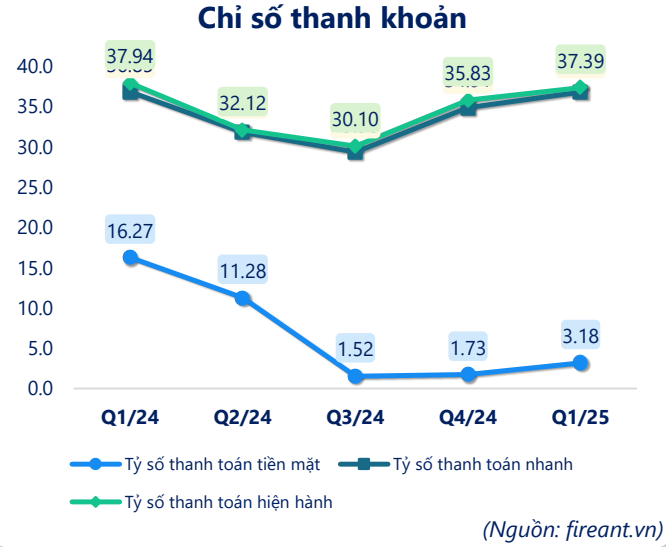
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



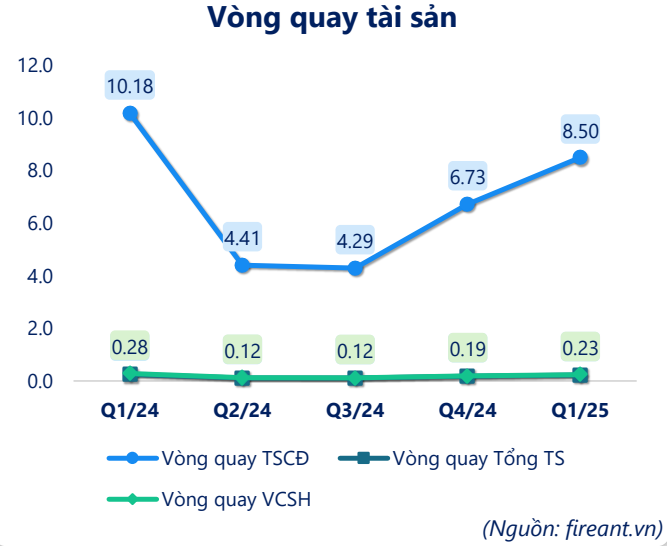
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**2,328**	**2,191**	**2,205**	**2,223**	**2,225**
Tài sản ngắn hạn	**1,827**	**1,691**	**1,706**	**1,722**	**1,726**
Tiền và tương đương tiền	783	594	86.4	83.1	147
Đầu tư tài chính ngắn hạn	104	104	104	104	0
Phải thu ngắn hạn	821	914	1,414	1,436	1,499
Hàng tồn kho	52.5	16.1	42.0	44.3	26.7
Tài sản ngắn hạn khác	66.5	62.9	60.3	55.7	53.9
Tài sản dài hạn	**501**	**501**	**499**	**500**	**499**
Phải thu dài hạn	6.76	8.00	8.00	11.1	11.1
Tài sản cố định	64.0	62.2	60.5	58.8	57.2
Bất động sản đầu tư	4.17	4.12	4.07	4.02	3.98
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	426	426	426	426	426
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**56.5**	**61.1**	**65.1**	**56.5**	**53.5**
Nợ ngắn hạn	**48.1**	**52.6**	**56.7**	**48.1**	**46.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.06	0.51	0.51	0	1.10
Phải trả người bán ngắn hạn	0.63	4.53	8.25	3.31	0.45
Nợ dài hạn	8.35	8.47	8.47	8.41	7.29
Vay và nợ thuê dài hạn	6.15	6.46	6.46	6.46	5.34
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,271**	**2,130**	**2,140**	**2,166**	**2,171**
Vốn chủ sở hữu	**2,271**	**2,130**	**2,140**	**2,166**	**2,171**
Vốn điều lệ	1,218	1,218	1,218	1,218	1,218
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)